

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu xây dựng: - Cát, đá, xi măng, gạch, cốt thép, cấp phối đá dăm, khối móng + ống BTCT,	- Cam kết vật tư: Nêu rõ chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, thông số kỹ thuật của từng loại vật tư chính đáp ứng bảng thông số yêu cầu được mô tả tại mục II “Yêu cầu về kỹ thuật/ chỉ dẫn kỹ thuật” thuộc chương V của E-HSMT. - Có cam kết cung cấp hàng hóa của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất cho nhà thầu.	Đạt
	- Không đáp ứng toàn bộ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.2. Đối với bê tông thương phẩm	- Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp bê tông kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực của trạm trộn hoặc các cân trạm trộn. - Đơn vị cung cấp có trạm trộn vị trí phù hợp đáp ứng khi bê tông được cung cấp đến chân công trình vẫn đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn TCVN.	Đạt
	Không đáp ứng các nội dung nêu trên.	Không đạt

1.3. Yêu cầu về phòng thí nghiệm xây dựng	Có năng lực thực hiện hoạt động thí nghiệm hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện năng lực được cấp có thẩm quyền cấp.	Đạt
	Không đáp ứng các nội dung nêu trên.	Không đạt
1.4. Đối với các vật tư, thiết bị, vật liệu khác được quy định tại Bảng tham chiếu vật tư thiết bị chính, vật liệu xây dựng để thực hiện gói thầu.	- Nêu rõ chủng loại, nhà sản xuất, xuất xứ. - Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp, nhà sản xuất cho nhà thầu.	Đạt
	- Nêu rõ chủng loại, nhà sản xuất, xuất xứ. - Có cam kết cung cấp hàng hóa hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất cho nhà thầu.	Chấp nhận được
	Không thuộc các nội dung trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Không đáp ứng một trong các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Đáp ứng đủ các yêu cầu sau: - Có giải pháp kỹ thuật, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Mặt bằng bố trí các công trình tạm phải cụ thể trên bình đồ tổng mặt bằng công trình, đảm bảo khả thi và phù hợp hiện trạng, thiết kế của gói thầu.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2. Giải pháp trắc đạc để định vị công trình, tim cos.	Đáp ứng đủ các yêu cầu sau: - Có giải pháp trắc đạc, định vị công trình trong đó thể hiện cách xác định các mốc, tim của các hạng mục công trình; - Giải pháp phải phù hợp với thiết kế.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt

2.3. Giải pháp, biện pháp thi công hạng mục phần nền, mặt đường. (Bao gồm thuyết minh và bản vẽ giải pháp chi tiết theo thiết kế được duyệt)	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.4. Giải pháp, biện pháp thi công hạng mục thoát nước. (Bao gồm thuyết minh và bản vẽ giải pháp chi tiết theo thiết kế được duyệt)	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.5. Giải pháp kỹ thuật hoàn thiện công trình.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Không đáp ứng một trong các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 90 ngày.	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3.3. Biểu tiến độ thi công	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và	Đạt

hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1 Hiểu biết về dự án và gói thầu	Có am hiểu về dự án, gói thầu	Đạt
	Không am hiểu về dự án, gói thầu	Không đạt
4.2 Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường, thuyết minh sơ đồ và mô tả rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận, vị trí công việc, từng cán bộ chủ chốt và tổ đội thi công hợp lý theo yêu cầu của HSMT.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh đầy đủ theo yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh đầy đủ theo yêu cầu của HSMT.	Không đạt
4.3 Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, hàng hóa, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, bản vẽ hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không	Không

	đạt.	đạt
--	-------------	------------

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng: - Tổ chức thi công. - Hệ thống tổ chức kiểm tra chất lượng tại công trường. - Tổ chức nghiệm thu các hạng mục thi công. - Công tác quản lý chất lượng máy móc và thiết bị thi công. - Công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu đưa vào thi công. - Biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc	Không đạt

	có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực	Nhà thầu Không vi phạm về uy tín và có cam kết kèm theo hoặc Nhà thầu vi phạm về	Đạt

hiện hợp đồng gói thầu xây lắp của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm đóng thầu.	uy tín trong việc tham dự thầu nhưng đã thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định.	
	Không có cam kết hoặc Nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu nhưng không thực thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt